TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 275/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 17 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 316/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Văn S, sinh ngày 30/7/1994; căn cước số 046094006775, cấp ngày 05/5/2025; địa chỉ: Số B ngõ D kiệt A đường Đ, phường T, thành phố H;

2. Chị Nguyễn Cao Y, sinh ngày 27/5/1994; căn cước số 068194006980, cấp ngày 28/4/2025; địa chỉ: Số A đường C, phường T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn S và chị Nguyễn Cao Y đăng ký kết hôn tại T tại O, Nhật Bản vào ngày 21/01/202011. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Anh Lê Văn S, chị Nguyễn Cao Y xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Lê Văn S và chị Nguyễn Cao Y đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Lê Văn S và chị Nguyễn Cao Y xác nhận có 01 con chung tên là Lê Uy K, sinh ngày 09/12/2021. Hiện cháu Lê Uy K đang ở với anh Lê Văn S. Anh, chị thỏa thuận giao cháu Lê Uy K cho anh Lê Văn S trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Cao Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Anh Lê Văn S, chị Nguyễn Cao Y tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con chung của anh, chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Lê Văn S và chị Nguyễn Cao Y trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn S, chị Nguyễn Cao Y mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 11 năm 2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn S và chị Nguyễn Cao Y.

- Về con chung: Giao cháu Lê Uy K, sinh ngày 09/12/2021 cho anh Lê Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Cao Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Lê Văn S và chị Nguyễn Cao Y xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Lê Văn S và chị Nguyễn Cao Y mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh Lê Văn S và chị Nguyễn Cao Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000853 ngày 05 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản
(Anh Sinh, chị Yên ĐKKH số: 29/2020, ngày 21/01/2020);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình